

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Schiff Reagent

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Schiff Reagent
- Công thức hóa học: hỗn hợp fuchsin sulfonic acid, natri metabisulfite và nước
- CAS: Fuchsin 632-99-5, Natri metabisulfite 7681-57-4
- Tên khác: Basic fuchsin-sulfurous acid solution
- Sử dụng: Nhuộm histology, xét nghiệm aldehyde (ví dụ: phản ứng Schiff)
- Nhà cung cấp:
 - Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP.HCM, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- GHS05 – Corrosion:** Dung dịch có thể gây kích ứng da và mắt (do pH thấp)
- GHS07 – Exclamation mark:** Kích ứng da, mắt, hô hấp nhẹ
- GHS08 – Health hazard:** Có thể gây dị ứng da, tác động lâu dài chưa rõ

Từ cảnh báo: CẢNH BÁO

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H315: Gây kích ứng da
- H319: Gây kích ứng mắt
- H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- H317: Có thể gây dị ứng da

Câu phòng ngừa:

- P261: Tránh hít dung dịch/bụi
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ
- P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ bằng nước ít nhất 15 phút
- P302+P352: Nếu dính da: rửa kỹ với xà phòng và nước
- P501: Xử lý chất thải theo quy định

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Basic Fuchsin	632-99-5	0.1–0.5%
Natri metabisulfite	7681-57-4	0.5–1%
Nước	7732-18-5	Còn lại

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển ra nơi thoáng khí, rửa mũi/họng nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa với nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay với nước ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế nếu cần
- Nuốt phải:** Không gây nôn, uống nhiều nước, tìm tư vấn y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: bột khô, CO₂, bọt
- Nguy cơ cháy: Không dễ cháy, tránh lửa trần, nhiệt độ cao
- Trang bị bảo hộ: găng tay, kính, mặt nạ chống hóa chất

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Mang găng tay, kính bảo hộ
- Tránh xả trực tiếp vào nguồn nước
- Thu gom dung dịch/bột vào thùng kín

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng: Nhuộm mô học, xét nghiệm aldehyde theo quy trình phòng thí nghiệm
- Bảo quản: Nơi khô, mát, tránh ánh sáng, tránh trẻ em
- Không tương thích: Oxidizing agents mạnh, bazơ mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- Trang bị bảo hộ:
 - Mắt: kính bảo hộ
 - Da: găng tay khi thao tác nhiều
 - Hô hấp: khẩu trang nếu thao tác lâu hoặc nhiều dung dịch bay hơi

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch đỏ tím
Mùi	Nhẹ, hóa chất
pH	~3-5
Tan trong nước	Hoàn toàn
Ổn định	Ổn định điều kiện phòng

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định: Ổn định ở nhiệt độ phòng
- Phản ứng nguy hiểm: Tránh oxi hóa mạnh, bazơ mạnh
- Sản phẩm phân hủy: Không đáng kể

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- Tiếp xúc gia dụng: Kích ứng da, mắt nhẹ; dị ứng ở người nhạy cảm
- Không độc nếu sử dụng đúng nồng độ phòng thí nghiệm

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học: Có thể ảnh hưởng thủy sinh ở nồng độ cao
- Phân hủy sinh học: Dễ phân hủy
- Tích lũy sinh học: Không đáng kể

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom vào thùng kín
- Xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- Tên vận chuyển: Schiff Reagent
- UN Number: Không áp dụng (dung dịch nghiên cứu)
- Nhóm nguy hiểm: Không áp dụng
- Nhân nguy hiểm: GHS05 (Corrosion), GHS07 (Exclamation mark) nếu vận chuyển số lượng lớn

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ: TCVN 9487:2012, Nghị định 113/2017/NĐ-CP về quản lý hóa chất nguy hại

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tài liệu tham khảo: Sigma-Aldrich MSDS, GHS Purple Book
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế